

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 36

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 5 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung – Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch
Bà An Thị Ngọc Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Sơn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Giám đốc
Bà An Thị Ngọc Lan	Phó Giám đốc

##### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Trọng Hậu**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Số: 139/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

**Kính gửi:** **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội được lập ngày 29 tháng 02 năm 2016, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue handwritten signature.

---

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

---

**Bùi Thị Thúy****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>120.596.039.210</b>	<b>78.207.840.619</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>9.786.191.161</b>	<b>5.379.790.708</b>
1. Tiền	111		9.786.191.161	5.379.790.708
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>92.772.913.091</b>	<b>65.108.995.461</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	90.317.754.808	62.943.543.052
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	1.791.717.928	1.529.890.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	663.440.355	635.562.409
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.593.437.474</b>	<b>6.319.998.065</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	16.593.437.474	6.319.998.065
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.443.497.484</b>	<b>1.399.056.385</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	363.952.911	1.399.056.385
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.079.544.573	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>57.063.401.678</b>	<b>31.914.785.669</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.821.730.383</b>	<b>12.138.413.048</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	19.033.900.406	4.117.557.041
- Nguyên giá	222		26.217.623.663	10.041.642.904
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.183.723.257)	(5.924.085.863)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	8.787.829.977	8.020.856.007
- Nguyên giá	228		10.637.756.591	9.427.872.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.849.926.614)	(1.407.016.584)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.9</b>	<b>3.208.622.493</b>	<b>3.366.145.713</b>
1. Nguyên giá	231		5.274.649.746	5.274.649.746
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.066.027.253)	(1.908.504.033)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.10</b>	<b>12.705.750.229</b>	<b>10.752.871.579</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.705.750.229	10.752.871.579
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>4.427.610.782</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.460.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(32.389.218)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.899.687.791</b>	<b>3.657.355.329</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	8.899.687.791	3.657.355.329
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>177.659.440.888</b>	<b>110.122.626.288</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>136.611.978.189</b>	<b>76.344.247.314</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>125.956.544.189</b>	<b>72.121.400.314</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	31.594.512.816	20.162.223.492
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	56.305.803	278.680.923
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.153.218.931	218.862.290
4. Phải trả người lao động	314		4.473.952.739	3.496.224.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.190.268.370	2.338.187.471
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2.927.647.702	2.987.949.155
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	82.000.000.000	42.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.560.637.828	639.272.683
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.655.434.000</b>	<b>4.222.847.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337		750.500.000	847.300.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	9.904.934.000	3.375.547.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>41.047.462.699</b>	<b>33.778.378.974</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>41.047.462.699</b>	<b>33.778.378.974</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.000.000.000	21.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.000.000.000	21.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.193.428.086	10.245.752.117
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.854.034.613	2.532.626.857
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.272.626.857	403.242.823
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.581.407.756	2.129.384.034
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>177.659.440.888</b>	<b>110.122.626.288</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Giám đốc





Nguyễn Thị Thanh Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	1.322.108.815.100	1.427.765.079.781
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.322.108.815.100	1.427.765.079.781
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	1.250.154.966.362	1.394.376.183.048
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>71.953.848.738</b>	<b>33.388.896.733</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	22.738.039	21.984.408
7. Chi phí tài chính	22	5.22	3.982.162.804	2.124.559.167
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.982.162.804</i>	<i>2.124.559.167</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.23	36.034.152.280	16.838.867.092
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.24	19.515.784.142	11.246.560.959
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	<b>30</b>		<b>12.444.487.551</b>	<b>3.200.893.923</b>
11. Thu nhập khác	31		945.119.083	1.756.266.602
12. Chi phí khác	32		30.312.664	315.756.227
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	5.25	<b>914.806.419</b>	<b>1.440.510.375</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30+40)	<b>50</b>		<b>13.359.293.970</b>	<b>4.641.404.298</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	2.712.855.011	1.371.603.028
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>10.646.438.959</b>	<b>3.269.801.270</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	5.070	1.557

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016  
 Giám đốc





Nguyễn Thị Thanh Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.421.243.270.386	1.564.018.022.916
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.411.134.639.161)	(1.544.983.152.769)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.769.176.695)	(11.543.061.545)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.373.458.334)	(2.082.793.948)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.760.975.753)	(773.693.140)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.724.552.219	1.993.512.621
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.908.129.945)	(17.446.679.919)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(17.978.557.283)</i>	<i>(10.817.845.784)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(17.972.402.303)	(2.973.005.966)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.460.000.000)	(2.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.738.039	21.984.408
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(20.409.664.264)</i>	<i>(4.951.021.558)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		335.848.453.000	401.375.547.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(289.319.066.000)	(384.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.734.765.000)	(275.185.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>42.794.622.000</i>	<i>17.100.362.000</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.406.400.453</b>	<b>1.331.494.658</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.379.790.708</b>	<b>4.048.296.050</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>9.786.191.161</b>	<b>5.379.790.708</b>

Người lập

*Lan*

Nguyễn Thị Thanh Lan

Kế toán trưởng

*Liên Hương*

Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016  
 Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 5 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 21.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	419.900	4.199.000.000	19,99%
Các cổ đông khác	1.680.100	16.801.000.000	80,01%
<b>Cộng</b>	<b>2.100.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm 2015: 183 người.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
  - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
  - Bán buôn dầu thô;
  - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
    - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa
    - + Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
  - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày  
Chi tiết:  
Khách sạn;  
Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;  
Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;  
Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự

# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình

Chi tiết:

- Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Bán buôn thực phẩm
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Chi tiết:

Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.

Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.

Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015: kinh doanh xăng dầu nhiên liệu.

### 1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có công ty con như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89,20%	89,20%

# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

### 1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200/2014/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200/2014/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), (chi tiết xem tại thuyết minh số 6.4) do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

## 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

##### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

##### **a. Nguyên tắc kế toán**

##### **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### a. Nguyên tắc kế toán (Tiếp theo)

##### Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
- Phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2015</u> <u>(số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

#### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: là công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí sửa chữa được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ là 1 năm và 2 năm.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- Chi phí lãi vay, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 5% lợi nhuận sau thuế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Đối với doanh nghiệp thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn xăng dầu, bất động sản cho thuê (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Công ty liên kết của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.397.058.444	1.055.756.941
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.389.132.717	4.324.033.767
<b>Tổng</b>	<b>9.786.191.161</b>	<b>5.379.790.708</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>62.999.538.105</b>	<b>18.853.867.149</b>
<i>Công ty Cổ phần Xe Điện Hà Nội</i>	<i>7.736.744.160</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải thu khác của khách hàng</i>	<i>55.262.793.945</i>	<i>18.853.867.149</i>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (là đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội - đơn vị góp vốn)</b>	<b>27.318.216.703</b>	<b>44.089.675.903</b>
<i>Xí nghiệp Xe buýt 10/10</i>	<i>5.045.545.100</i>	<i>4.456.883.190</i>
<i>Xí nghiệp xe buýt Liên Ninh</i>	<i>-</i>	<i>6.445.335.160</i>
<i>Xí nghiệp xe điện Hà Nội</i>	<i>-</i>	<i>4.091.398.360</i>
<i>Xí nghiệp Xe buýt Thăng long</i>	<i>1.915.450.691</i>	<i>4.887.017.711</i>
<i>Trung tâm Tân Đạt</i>	<i>3.453.540.342</i>	<i>6.272.237.372</i>
<i>Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội</i>	<i>13.038.963.260</i>	<i>6.353.378.030</i>
<i>XN Vận tải du lịch Hà Nội</i> □	<i>-</i>	<i>5.410.629.620</i>
<i>Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội</i>	<i>3.864.717.310</i>	<i>6.172.796.460</i>
<b>Tổng</b>	<b>90.317.754.808</b>	<b>62.943.543.052</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.791.717.928	1.529.890.000
<i>Công ty Cổ phần Mỹ Anh</i>	400.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng 116</i>	500.000.000	-
<i>Công ty TNHH SNC Tín Phát</i>		858.000.000
<i>Công ty TNHH Apave Châu Á</i>		298.000.000
<i>- Thái Bình Dương</i>	-	-
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	891.717.928	373.890.000
<b>Tổng</b>	<b>1.791.717.928</b>	<b>1.529.890.000</b>

**5.4 Phải thu hạn khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	663.440.355	-	635.562.409	-
Xí nghiệp Cơ khí và Xây lắp				
Xăng dầu	-	-	578.391.500	-
Tạm ứng	632.947.647	-	40.000.000	-
Phải thu khác	30.492.708	-	17.170.909	-
<b>Tổng</b>	<b>663.440.355</b>	<b>-</b>	<b>635.562.409</b>	<b>-</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.744.000	-
Công cụ, dụng cụ	68.734.519	-	66.520.000	-
Hàng hoá	16.524.702.955	-	6.251.734.065	-
<b>Tổng</b>	<b>16.593.437.474</b>	<b>-</b>	<b>6.319.998.065</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.6 Chi phí trả trước**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.056.411.714	1.102.017.166
Tăng	8.960.346.900	5.887.508.730
Giảm	4.753.117.912	1.933.114.182
- Kết chuyển chi phí	4.753.117.912	948.229.527
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>9.263.640.702</b>	<b>5.056.411.714</b>
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>363.952.911</b>	<b>1.399.056.385</b>
Chi phí trả trước về chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu và chi phí công cụ dụng cụ	363.952.911	1.399.056.385
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.899.687.791</b>	<b>3.657.355.329</b>
Chi phí trả trước về chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu và chi phí công cụ dụng cụ	3.469.446.147	2.613.415.935
Chi phí thuê tại các cửa hàng xăng dầu: (Thạch Hòa, Thái Nguyên, Dục Tú)	4.935.757.576	1.043.939.394
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	494.484.068	-
<b>Tổng</b>	<b>9.263.640.702</b>	<b>5.056.411.714</b>

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	3.178.511.862	3.547.978.228	2.516.650.000	798.502.814	10.041.642.904
Tăng trong năm	11.855.762.713	3.065.568.500	830.434.546	424.215.000	16.175.980.759
Mua trong năm	-	3.065.568.500	830.434.546	424.215.000	4.320.218.046
Đầu tư XDCB hoàn thành	11.855.762.713	-	-	-	11.855.762.713
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>15.034.274.575</b>	<b>6.613.546.728</b>	<b>3.347.084.546</b>	<b>1.222.717.814</b>	<b>26.217.623.663</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	2.619.575.364	2.247.105.703	578.346.210	479.058.586	5.924.085.863
Tăng trong năm	237.594.281	388.787.134	451.712.170	181.543.809	1.259.637.394
Khấu hao trong năm	237.594.281	388.787.134	451.712.170	181.543.809	1.259.637.394
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>2.857.169.645</b>	<b>2.635.892.837</b>	<b>1.030.058.380</b>	<b>660.602.395</b>	<b>7.183.723.257</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2015	558.936.498	1.300.872.525	1.938.303.790	319.444.228	4.117.557.041
Tại 31/12/2015	12.177.104.930	3.977.653.891	2.317.026.166	562.115.419	19.033.900.406

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2015 với giá trị là 4.607.420.735 đồng, tại 31/12/2014 là 4.188.231.080 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi cầm cố ký cược các khoản vay tính đến thời điểm 31/12/2015 với giá trị là 8.333.144.800 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.8 Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2015	8.975.572.591	401.000.000	51.300.000	9.427.872.591
Tăng trong năm	-	1.209.884.000	-	1.209.884.000
Mua trong năm	-	1.209.884.000	-	1.209.884.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>8.975.572.591</u>	<u>1.610.884.000</u>	<u>51.300.000</u>	<u>10.637.756.591</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2015	1.256.406.591	140.349.993	10.260.000	1.407.016.584
Tăng trong năm	179.508.000	253.142.030	10.260.000	442.910.030
Khấu hao trong năm	179.508.000	253.142.030	10.260.000	442.910.030
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>1.435.914.591</u>	<u>393.492.023</u>	<u>20.520.000</u>	<u>1.849.926.614</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2015	<u>7.719.166.000</u>	<u>260.650.007</u>	<u>41.040.000</u>	<u>8.020.856.007</u>
Tại 31/12/2015	<u>7.539.658.000</u>	<u>1.217.391.977</u>	<u>30.780.000</u>	<u>8.787.829.977</u>

Quyền sử dụng đất gồm:

Đất tại số 7 phố Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 112 m<sup>2</sup>, Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 28/01/2008, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh và Văn phòng cho thuê (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội

Đất tại số 1 phố Thi Sách, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 72,7 m<sup>2</sup>, Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 11/12/2007, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Văn phòng kết hợp dịch vụ (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.9 Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>5.274.649.746</b>			<b>5.274.649.746</b>
Văn phòng số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	666.654.200	-	-	666.654.200
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	2.139.473.836	-	-	2.139.473.836
Các quầy kiot	419.189.655	-	-	419.189.655
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>1.908.504.033</b>	<b>157.523.220</b>		<b>2.066.027.253</b>
Văn phòng số 233 Khâm Thiên	289.464.300	10.957.644	-	300.421.944
Nhà 63 Tô Hiến Thành	495.952.341	28.450.308	-	524.402.649
VP 456 Trần Khát Chân	608.810.001	70.571.400	-	679.381.401
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	95.087.736	47.543.868	-	142.631.604
Các quầy kiot	419.189.655	-	-	419.189.655
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>3.366.145.713</b>			<b>3.208.622.493</b>
Văn phòng số 233 Khâm Thiên	21.915.300	-	-	10.957.656
Nhà 63 Tô Hiến Thành	170.701.859	-	-	142.251.551
VP 456 Trần Khát Chân	1.129.142.454	-	-	1.058.571.054
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	2.044.386.100	-	-	1.996.842.232
Các quầy kiot	-	-	-	-

**5.10 Xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01		
Tăng	10.752.871.579	5.088.894.548
Giảm	19.225.942.735	8.011.246.006
<i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	17.273.064.085	2.347.268.975
<i>Kết chuyển tăng chi phí</i>	16.918.518.629	1.108.588.182
	354.545.456	1.238.680.793
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>12.705.750.229</b>	<b>10.752.871.579</b>
<b>Chi tiết theo nội dung</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
Dự án số 1 Đông Tác	280.548.714	280.548.714
Dự án Dã Tượng	5.394.515.865	4.809.892.229
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271
Cửa hàng Yên Viên	-	58.144.455
Văn phòng Công ty tại F3 - 187 Tây Sơn	-	3.835.848.868
Phần mềm Cyber Enterprise 8.0	-	642.950.000
Cửa hàng Trần Khát Chân	700.000.000	-
Dự án trạm dầu Đèn Lừ	393.086.413	-
Dự án cây xăng tại Hải Phòng	4.812.111.924	-
<b>Tổng</b>	<b>12.705.750.229</b>	<b>10.752.871.579</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHÁT ĐÓT HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.11 Đầu tư tài chính**

MẪU B 09-DN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	4.460.000.000	4.460.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	4.460.000.000	4.460.000.000	-	2.000.000.000
<b>Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	(32.389.218)	(32.389.218)	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	-	(32.389.218)	(32.389.218)	-

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ động chính	Hoạt động
1	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Tầng F3 - Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	89,2%	89,2%	Vận chuyển xăng dầu



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	30.589.363.610	30.589.363.610	20.162.223.492	20.162.223.492
Công ty Xăng dầu KVI - Công ty TNHH MTV	24.815.550.674	24.815.550.674	17.427.113.928	17.427.113.928
Phải trả các đối tượng khác	5.773.812.936	5.773.812.936	2.735.109.564	2.735.109.564
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.005.149.206	1.005.149.206	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	1.005.149.206	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>31.594.512.816</b>	<b>31.594.512.816</b>	<b>20.162.223.492</b>	<b>20.162.223.492</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	56.305.803	278.680.923
<b>Tổng</b>	<b>56.305.803</b>	<b>278.680.923</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
Thuế giá trị gia tăng	50.996.905	2.817.282.799	2.868.279.704	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.473.723	2.712.855.011	1.760.975.753	1.090.352.981
Thuế thu nhập cá nhân	29.391.662	383.790.351	350.316.063	62.865.950
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.290.439.844	3.290.439.844	-
Các loại thuế khác	-	19.000.000	19.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>218.862.290</b>	<b>9.223.368.005</b>	<b>8.289.011.364</b>	<b>1.153.218.931</b>

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.190.268.370	2.338.187.471
Chi phí lãi vay	47.010.308	41.765.219
Tiền thuê đất	1.802.748.068	2.129.802.252
Chi phí phải trả dài hạn khác	340.509.994	166.620.000
b) Dài hạn	-	-
<b>Tổng</b>	<b>2.190.268.370</b>	<b>2.338.187.471</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.16 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.927.647.702</b>	<b>2.987.949.155</b>
- Kinh phí công đoàn;	9.560.570	12.482.795
- Bảo hiểm xã hội;	568.884	-
- Bảo hiểm y tế;	103.847	-
- Bảo hiểm thất nghiệp;	61.525	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	2.917.352.876	2.975.466.360
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>320.460.000</i>	<i>2.795.225.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Parus (*)</i>	<i>1.554.260.274</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Xe Điện Hà Nội (*)</i>	<i>844.536.800</i>	-
<i>Trung tâm Thương mại và Dịch vụ</i>	<i>185.882.192</i>	-
<i>- Tổng Công ty Vận tải Hà Nội</i>	<i>185.882.192</i>	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>12.213.610</i>	<i>180.241.360</i>
<b>Tổng</b>	<b>2.927.647.702</b>	<b>2.987.949.155</b>

(\*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSERCO - HFC - PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (bên A); Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (bên B) và Công ty Cổ phần PARUS (bên C), Mục tiêu và phạm vi hợp tác: Các Bên đồng ý cùng nhau hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên diện tích đất 1.730 m<sup>2</sup> tại Dự án xây dựng bến đỗ xe kết hợp điểm trung chuyển xe buýt Yên Viên - Gia Lâm để kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm khác theo đăng ký kinh doanh của bên B, Thời hạn Hợp đồng 10 năm, Tổng giá trị hợp đồng: 8.066.000.000 đồng, vốn các bên góp như sau:

Bên A góp bằng phần chi phí phân bổ cho 10 năm mà bên A đã đầu tư cho phần xây dựng cửa hàng được các bên thống nhất có giá trị 1.888.000.000 đồng (chiếm 28%)

Bên B góp 3.439.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 51%

Bên C góp 1.415.000.000 đồng chiếm 21%

Phần còn lại là 1.324.000.000 đồng do bên B chịu trách nhiệm thu xếp và được tính là vay vốn cho Dự án và chi phí lãi vay được trừ vào thu nhập của cửa hàng trước khi phân chia kết quả theo tỷ lệ góp vốn.

Bên B chịu trách nhiệm tổ chức quản lý điều hành kinh doanh cửa hàng; thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của cửa hàng và phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn (Bên A hưởng 28%, Bên B hưởng 51% và bên C hưởng 21%) sau khi trừ đi các chi phí hợp lý, hợp lệ, hoàn trả vốn vay ngân hàng (nếu có) và nghĩa vụ thuế với nhà nước theo quy định (không bao gồm thuế TNDN). Toàn bộ chi phí tiền thuê đất và các chi phí sử dụng đất khác đối với phần diện tích đất của cửa hàng do bên B chi trả và được tính vào chi phí kinh doanh của cửa hàng xăng dầu.

Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả cho bên A và C phần phân chia lợi nhuận cho bên A không thấp hơn 307 triệu đồng/năm và không thấp hơn 230 triệu đồng/năm cho bên C. Hiệu lực của hợp đồng ngay sau các bên ký.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**

Mẫu B 09-DN

Khoản mục	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ	
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>82.000.000.000</b>	<b>82.000.000.000</b>	<b>328.000.000.000</b>	<b>288.000.000.000</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>42.000.000.000</b>	
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Hoàn Kiếm	70.000.000.000	70.000.000.000	220.000.000.000	183.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	-	14.000.000.000	23.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội	12.000.000.000	12.000.000.000	94.000.000.000	82.000.000.000	-	-	
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>9.904.934.000</b>	<b>9.904.934.000</b>	<b>7.848.453.000</b>	<b>1.319.066.000</b>	<b>3.375.547.000</b>	<b>3.375.547.000</b>	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	5.500.000.000	5.500.000.000	3.324.453.000	1.200.000.000	3.375.547.000	3.375.547.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội	471.600.000	471.600.000	524.000.000	52.400.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	3.933.334.000	3.933.334.000	4.000.000.000	66.666.000	-	-	
<b>Tổng</b>	<b>91.904.934.000</b>	<b>91.904.934.000</b>	<b>335.848.453.000</b>	<b>289.319.066.000</b>	<b>45.375.547.000</b>	<b>45.375.547.000</b>	

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014- HDTDHM/NHCT122-XDCDHN ngày 26/6/2014, hạn mức 40 tỷ đồng, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/4818668/HDTDHMNH ngày 27/06/2014, hạn mức 65 tỷ đồng, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 7 Dã Tượng.

Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2014 ngày 24/10/2014 có điều khoản cụ thể như sau:  
 Số tiền cam kết cho vay có tổng giá trị không vượt quá 6.700.000.000 đồng; Mục đích vay : Dùng để thanh toán chi phí đầu tư diện tích sản xây dựng Nhà F3 toà 187 Nguyễn Lương Bằng; Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay: tại thời điểm ký hợp đồng là 9,3%/năm và có giá trị tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần theo thông báo ngân hàng; Tài sản thế chấp là quyền sở hữu sản văn phòng tại tầng 3 Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014 tháng 10/14 giữa NH TMCP Công thương VN và Công ty Xăng dầu Chất đốt. Giá trị tài sản thế chấp được thống nhất 8.400.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	21.000.000.000	7.846.963.255	2.132.615.858	1.455.214.898	32.434.794.011
Tăng trong năm	-	266.173.004	-	3.269.801.270	3.535.974.274
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	3.269.801.270	3.269.801.270
Trích lập các quỹ	-	266.173.004	-	-	266.173.004
Giảm trong năm	-	-	-	2.192.389.311	2.192.389.311
Trích lập các quỹ	-	-	-	534.318.083	534.318.083
Chi cổ tức	-	-	-	1.050.000.000	1.050.000.000
Lãi liên doanh liên kết	-	-	-	608.071.228	608.071.228
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>8.113.136.259</b>	<b>2.132.615.858</b>	<b>2.532.626.857</b>	<b>33.778.378.974</b>
Số dư tại 01/01/2015	21.000.000.000	8.113.136.259	2.132.615.858	2.532.626.857	33.778.378.974
Tăng trong năm	-	3.080.291.827	-	10.646.438.959	13.726.730.786
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	10.646.438.959	10.646.438.959
Tăng quỹ	-	947.675.969	-	-	947.675.969
Điều chỉnh theo hướng dẫn Thông tư 200/2014	-	2.132.615.858	-	-	2.132.615.858
Giảm trong năm	-	-	2.132.615.858	4.325.031.203	6.457.647.061
Lãi liên doanh liên kết	-	-	-	2.429.679.265	2.429.679.265
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.895.351.938	1.895.351.938
Điều chỉnh theo hướng dẫn Thông tư 200/2014	-	-	2.132.615.858	-	2.132.615.858
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>11.193.428.086</b>	<b>-</b>	<b>8.854.034.613</b>	<b>41.047.462.699</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	-	4.199.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	21.000.000.000	16.801.000.000
<b>Tổng</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	21.000.000.000	21.000.000.000
<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>1.050.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	Năm 2015	Năm 2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.100.000</b>	<b>2.100.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu quỹ		

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP***5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán xăng dầu	1.318.186.996.919	1.423.871.170.684
Doanh thu cho thuê cửa hàng, ki ốt	3.921.818.181	3.893.909.097
<b>Tổng</b>	<b>1.322.108.815.100</b>	<b>1.427.765.079.781</b>

**5.20 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn bán xăng dầu	1.248.117.914.357	1.392.060.019.706
Giá vốn cho thuê cửa hàng, ki ốt	2.037.052.005	2.316.163.342
<b>Tổng</b>	<b>1.250.154.966.362</b>	<b>1.394.376.183.048</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.21 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	22.738.039	21.984.408
<b>Tổng</b>	<b>22.738.039</b>	<b>21.984.408</b>

**5.22 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	3.982.162.804	2.124.559.167
<b>Tổng</b>	<b>3.982.162.804</b>	<b>2.124.559.167</b>

**5.23 Chi phí bán hàng**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	12.392.029.849	11.161.675.556
Chi phí VPP, dụng cụ, đồ dùng	522.856.467	966.878.638
Chi phí khấu hao	568.283.771	351.804.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.370.038.775	2.792.513.648
Chi phí khác bằng tiền	11.180.943.418	1.565.995.215
<b>Tổng</b>	<b>36.034.152.280</b>	<b>16.838.867.092</b>

**5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.314.273.173	6.312.127.191
Chi phí vật liệu quản lý	715.180.712	781.541.783
Chi phí khấu hao	954.755.654	539.067.793
Thuế, phí, lệ phí	125.409.080	208.304.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	844.778.010	1.771.634.110
Chi phí khác bằng tiền	8.561.387.513	1.633.885.292
<b>Tổng</b>	<b>19.515.784.142</b>	<b>11.246.560.959</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.25 Lợi nhuận khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Hoàn nhập chi phí đền bù GPMB tại Số 189 Tây Sơn	-	306.134.985
Tiền thuê đất năm 2013 & 2014 QĐ 62707/QĐ-CT-QLĐ ngày 12/12/2014	-	302.980.188
Công ty CP Đầu tư PT Nhà số 5 đền bù Giải phóng mặt bằng 189 Nguyễn Lương Bằng	-	1.135.925.682
Tiền thuê đất được giảm theo Nghị Quyết Số 02 của Chính Phủ tại Số 366 Bạch Đằng; Số 4 Gầm Cầu; Số 4-5 Hàng Giấy và bảng tính của Cục thuế Hoàn Kiếm	893.638.066	-
Thu nhập khác	51.481.017	11.225.747
<b>Tổng</b>	<b>945.119.083</b>	<b>1.756.266.602</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	24	32.128.767
Chi phí phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế theo Quyết định số 55406/QĐ-CT-TTr3 ngày 28/10/2014	-	283.600.509
Chi phí khác	30.312.640	26.951
<b>Tổng</b>	<b>30.312.664</b>	<b>315.756.227</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>914.806.419</b>	<b>1.440.510.375</b>

**5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.712.855.011	802.201.552
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	569.401.476
<b>Tổng</b>	<b>2.712.855.011</b>	<b>1.371.603.028</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.646.438.959	3.269.801.270
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.646.438.959	3.269.801.270
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trường hợp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế)	-	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	2.100.000	2.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.070	1.557

**5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.238.037.179	1.748.420.421
Chi phí nhân công	20.706.303.022	17.473.802.747
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.860.070.644	1.062.139.413
Chi phí về thuế phí lệ phí	125.409.080	208.304.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.214.816.785	4.564.147.758
Chi phí khác bằng tiền	19.742.330.931	3.199.880.507
<b>Tổng</b>	<b>55.886.967.641</b>	<b>28.256.695.636</b>



**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**a. Số dư với các bên liên quan**

Các khoản phải thu	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Xí nghiệp Xe buýt 10/10	Đơn vị trực thuộc	Tiền hàng	5.045.545.100	4.456.883.190
Xí nghiệp xe buýt Liên Ninh- CN TCT Vận tải HN	Tổng Công ty Vận tải Hà Nội - Đơn vị góp vốn	Tiền hàng	-	6.445.335.160
Xí nghiệp xe điện Hà Nội		Tiền hàng	-	4.091.398.360
Xí nghiệp Xe buýt Thăng long		Tiền hàng	1.915.450.691	4.887.017.711
Trung tâm Tân Đạt		Tiền hàng	3.453.540.342	6.272.237.372
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội		Tiền hàng	13.038.963.260	6.353.378.030
XN Vận tải du lịch Hà Nội - CN TCT Vận tải HN		Tiền hàng	-	5.410.629.620
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội		Tiền hàng	3.864.717.310	6.172.796.460
Công ty Cổ phần Xe Điện Hà Nội			7.736.744.160	-
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên		Tiền hàng	3.767.808.420	-
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu		Tiền hàng	115.695.360	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Tiền hàng	752.385.901	-

**b. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương, thu nhập	1.037.702.753	677.167.921
<b>Tổng</b>		<b>1.037.702.753</b>	<b>677.167.921</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Giao dịch với các bên liên quan**

Mua hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Tiền vận chuyên xăng dầu	9.471.786.570	-

Bán hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Xí nghiệp Xe buýt 10/10	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Vận tải Hà Nội - Đơn vị góp vốn	Tiền Xăng dầu	30.376.642.191	40.668.402.743
Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh		Tiền Xăng dầu	18.053.995.782	42.241.100.431
Xí nghiệp Xe điện Hà Nội		Tiền Xăng dầu	21.089.072.455	33.663.269.998
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long		Tiền Xăng dầu	43.580.194.409	60.745.164.863
Trung tâm Tân Đạt - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội		Tiền Xăng dầu	28.313.361.773	42.515.587.110
Xí nghiệp Xe buýt Hà nội		Tiền Xăng dầu	62.411.900.227	89.088.663.970
XN Vận tải Du lịch Hà Nội		Tiền Xăng dầu	8.932.581.618	19.016.726.187
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội		Tiền Xăng dầu	6.421.611.956	9.978.413.868
Công ty Cổ phần Xe Điện Hà Nội		Tiền Xăng dầu	8.604.582.709	-
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên		Tiền Xăng dầu	4.291.778.600	-
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu		Tiền Xăng dầu	186.672.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Tiền Xăng dầu	6.172.607.625	-

**6.2 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.786.191.161	5.379.790.708
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.981.195.163	63.579.105.461
Đầu tư dài hạn	4.427.610.782	2.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>105.194.997.106</b>	<b>70.958.896.169</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	82.000.000.000	42.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	34.522.160.518	23.150.172.647
Chi phí phải trả	2.190.268.370	2.338.187.471
<b>Tổng</b>	<b>118.712.428.888</b>	<b>67.488.360.118</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

**Rủi ro về giá**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ một số nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	82.000.000.000	-	82.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	34.522.160.518	-	34.522.160.518
Chi phí phải trả	2.190.268.370	-	2.190.268.370
01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	42.000.000.000	-	42.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	23.150.172.647	-	23.150.172.647
Chi phí phải trả	2.338.187.471	-	2.338.187.471

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.786.191.161	-	9.786.191.161
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.981.195.163	-	90.981.195.163
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	4.427.610.782	-	4.427.610.782
01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.379.790.708	-	5.379.790.708
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.579.105.461	-	63.579.105.461
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000

**6.2 Sự kiện phát sinh kết thúc kỳ kế toán năm**

Ngày 18/12/2015, Theo công văn số 1812 -2015B báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn. Tổng Công ty Vận tải Hà Nội đã hoàn tất việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội theo kế hoạch.

**6.3 Thông tin khác**

Hai cây xăng của Công ty tại số 436 Trần Khát Chân (Hai Bà Trưng, Hà Nội), và cây xăng Yên Viên (huyện Gia Lâm, Hà Nội) hiện đang tạm dừng hoạt động, một số cá nhân liên quan đã bị khởi tố, tạm giam để điều tra do sử dụng điều khiển từ xa và chip điện tử gắn vào các cột bơm nhiên liệu để làm sai lệch lượng nhiên liệu nhằm gian lận trong kinh doanh xăng dầu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.4 Thông tin so sánh**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục trên Bảng CĐKT	Tại ngày 01/01/2015		Chênh lệch
	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Theo Thông tư 200/2014/TT/BTC	
<b>Tài sản</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	595.562.409	635.562.409	40.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	40.000.000	-	(40.000.000)
<b>Nguồn vốn</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	42.000.000.000	-	(42.000.000.000)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	42.000.000.000	42.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	8.113.136.259	10.245.752.117	2.132.615.858
Quỹ dự phòng tài chính	2.132.615.858	-	(2.132.615.858)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Giám đốc





Nguyễn Thị Thanh Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu



The first part of the paper is a blank space for a drawing or sketch. Below this space, there are several lines of text, which appear to be a list or a set of instructions. The text is very faint and difficult to read, but it seems to be organized into a structured format, possibly a table or a list of items.



The lower half of the page contains a large amount of text, which is also very faint and illegible. It appears to be a detailed report or a set of notes, possibly related to the drawing or the stamp above. The text is organized into paragraphs and possibly includes some headings or sub-sections.